|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 234 /TTr-UBND |  *Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 7 năm 2018* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết về quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 quy định tạm thời về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 17/HĐND ngày 11/01/2018).

Để phù hợp với quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính, sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 1722/SLĐTBXH-BTXH-TE-BĐG ngày 09/7/2018, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 187/BC-STP ngày 17/5/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định về việc Ban hành mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (có dự thảo Nghị quyết kèm theo) với các nội dung chủ yếu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Mức chi** |
| **I** | **Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; nhân rộng mô hình giảm nghèo** |  |
| **1** | Mức hỗ trợ dự án, mô hình Ngân sách nhà nước hỗ trợ (đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tính chất của dự án, mô hình) | - Đối với dự án do cấp tỉnh triển khai: Tối đa 300 triệu đồng/dự án; - Đối với dự án do cấp huyện triển khai: Tối đa 250 triệu đồng/dự án; - Đối với dự án cấp xã triển khai: Tối đa 200 triệu đồng/dự án. |
| **2** | Chi xây dựng và quản lý dự án | Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án. |
| **3** | Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất dự án, mô hình |  |
| a | Đối với dự án nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | Hộ nghèo: 10 triệu/01 hộ; Hộ cận nghèo: 07 triệu/01 hộ; Hộ mới thoát nghèo: 05 triệu /01 hộ |
| b | Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ | Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án |
| c | Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm | Định mức và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 139/2015/NQ -HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh. |
| C1 | Hỗ trợ doanh nghiệp | Hỗ trợ chi phí đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng. |
|  C2 | Đối với hợp tác xã  | Hỗ trợ chi phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất; cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất theo hợp đồng. |
| **4** | Chi các nội dung khác |  |
| a | Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện Dự án, mô hình cho đến khi có kết quả: Chi hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí):  | 70.000 đồng/người/ngày thực địa. |
| b | Chi chế độ công tác phí cho cán bộ theo quy định  | Tại Nghị quyết số 70/2017/ NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị |
| c | Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án, mô hình có hiệu quả giữa các địa phương, mức chi | Tại Nghị quyết số 70/2017/ NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị |
| **II** | **Nội dung, hình thức và mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem, thiết lập cụm thông tin cơ sở** |  |
| **1** | Phương tiện nghe radio hỗ trợ nghe | 300.000 đồng/thiết bị |
| **2** | Phương tiện xem Tivi màn hình LED có tích hợp đầu thu KTS DVB-T2 hỗ trợ xem | 06 triệu đồng/thiết bị |
| **3** | Nội dung, mức hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương để cập nhật, truyền tải, quảng bá kịp thời đến cộng đồng dân cư và khách nước ngoài các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị của quốc gia, địa phương và cung cấp các thông tin thiết yếu cho xã hội | Mức chi căn cứ Quy định của nhà nước và tình hình kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao và điều kiện thực tế của từng địa phương, giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh |
| **III** | **Chi quản lý, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình về giảm nghèo cấp xã** |  |
| **1** | Xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo  | 5.000.000 đồng/xã/năm |
| **2** | Các xã khác | 3.000.000 đồng/xã/năm |

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TTr HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Chánh, các PVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, KGVX1.- Gửi: Bản giấy. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)** **Đặng Quốc Vinh** |